

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 04 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình ngày 09 tháng 6 năm 2000; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo
dục trẻ em ngày 15 tháng 6 năm 2004; Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;
Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;
Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em được tổ chức theo cấp hành chính, ở Trung ương có Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh; thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về dân số, gia đình và trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về dân số, gia đình và trẻ em.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam tham gia các hoạt động liên quan đến công tác dân số, gia đình và trẻ em tại Việt Nam.

Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Hoạt động của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ và kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.
2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên và các thành viên Đoàn thanh tra phải tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra và quy định của Nghị định này; phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

Chương 2:

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

Điều 4. Các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em gồm:

a) Ở Trung ương có Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban ở Trung ương);

b) Ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (sau đây gọi tắt là Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh).

2. Tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 5. Thanh tra Ủy ban ở Trung ương

1. Thanh tra Ủy ban ở Trung ương là tổ chức thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quản lý nhà nước về công tác Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Thanh tra Ủy ban ở Trung ương chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Ủy ban ở Trung ương có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra, Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên Ủy ban ở Trung ương do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.

3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 25 Luật Thanh tra.

2. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho thanh tra viên, cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em.

3. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Thanh tra dân số, gia đình và trẻ em trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng, Chủ nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật khác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em giao.

4. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về công tác thanh tra, các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.
5. Yêu cầu cơ quan, tổ chức có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra; trung tập Thanh tra viên của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh tham gia Đoàn thanh tra khi cần thiết.
6. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thi hành hoặc huỷ bỏ các quy định trái với văn bản pháp luật của Nhà nước hoặc trái với các văn bản pháp luật chuyên ngành về dân số, gia đình và trẻ em.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 26 Luật Thanh tra.
2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Ủy ban ở Trung ương; chỉ đạo, hướng dẫn công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành đối với Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.
3. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt.
4. Kiến nghị với Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết việc trùng lặp giữa các đoàn thanh tra, kiểm tra đối với cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.
5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trong thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi, trách nhiệm của mình.
6. Kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trong thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.
7. Báo cáo Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 8. Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh

1. Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh là tổ chức thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh, có trách nhiệm giúp Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh.

Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.

2. Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên.

Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh do Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có ý kiến thống nhất với Chánh Thanh tra tỉnh.

Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên Ủy ban cấp tỉnh do Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh

1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 28 Luật Thanh tra.
2. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về công tác thanh tra; quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.
3. Đề nghị cơ quan, tổ chức liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra.
4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc huỷ bỏ những quy định trái với văn bản pháp luật của Nhà nước hoặc trái với văn bản pháp luật chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em ban hành.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 29 Luật Thanh tra.
2. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra đối với Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.
3. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh trình Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch sau khi được phê duyệt.
4. Kiến nghị với Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh giải quyết việc trùng lặp giữa các đoàn thanh tra, kiểm tra đối với cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh.
5. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra; quyết định về xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.
6. Kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh trong thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra.
7. Báo cáo Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Chương 3:

THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

Điều 11. Thanh tra viên Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Thanh tra viên Dân số, Gia đình và Trẻ em là công chức nhà nước được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra.
2. Thanh tra viên Dân số, Gia đình và Trẻ em phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung của Thanh tra viên quy định tại Điều 31 Luật Thanh tra.
3. Thanh tra viên Dân số, Gia đình và Trẻ em có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 40, Điều 50 Luật Thanh tra.
4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thực hiện chế độ chính sách đối với Thanh tra viên Dân số, Gia đình và Trẻ em theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Trong hoạt động thanh tra, các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em được quyền trung tập cộng tác viên.

2. Cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em là người có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em, được trung tập để thực hiện các cuộc thanh tra theo yêu cầu của các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em hoặc cấp có thẩm quyền.

Cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em làm việc theo sự phân công của tổ chức Thanh tra dân số, gia đình và trẻ em hoặc Trường Đoàn thanh tra.

3. Tiêu chuẩn, chế độ, trách nhiệm của cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em; việc trung tập cộng tác viên Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em thực hiện theo quy định của pháp luật về cộng tác viên thanh tra và quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Chương 4:

HOẠT ĐỘNG THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

Điều 13. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

2. Nội dung, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra hành chính thực hiện theo quy định từ Điều 34 đến Điều 44 Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

Điều 14. Nội dung hoạt động thanh tra chuyên ngành

Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện thành lập, tổ chức hoạt động và các quy định khác của pháp luật về dân số, gia đình và trẻ em, bao gồm:

1. Các quy định về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đối với công tác dân số, gia đình và trẻ em;

2. Các quy định về quản lý hoạt động tư vấn trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em;

3. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn kỹ thuật trong việc cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình;

4. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn trong việc thực hiện các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, thực hiện các quyền của trẻ em, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt;

5. Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn trong việc thực hiện các hoạt động về xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc; xây dựng gia đình văn hoá;

6. Các quy định về điều kiện thành lập, tổ chức hoạt động của các cơ sở phúc lợi và cơ sở dịch vụ về dân số, gia đình và trẻ em;

7. Các quy định thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra dân số, gia đình và trẻ em;

8. Các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác dân số, gia đình và trẻ em.

Điều 15. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành và xử phạt vi phạm hành chính

1. Trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 45 đến Điều 52 Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

2. Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Điều 16. Chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành

1. Chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em bao gồm đối tượng, nội dung, phạm vi, nhiệm vụ thanh tra do Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em trực tiếp thực hiện.

2. Quy trình xây dựng và phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em; yêu cầu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng và hướng dẫn của cơ quan thanh tra cấp trên, Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra của các Bộ, ngành có liên quan trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành với các đối tượng, nội dung, phạm vi liên quan đến công tác dân số, gia đình và trẻ em để tránh chồng chéo, trùng lặp;

b) Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phê duyệt chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành sau khi đã thống nhất với các Bộ, ngành có liên quan;

c) Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Chánh Thanh tra các Bộ, ngành có liên quan tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó;

d) Chương trình, kế hoạch thanh tra chuyên ngành dân số, gia đình và trẻ em cấp tỉnh được xây dựng và phê duyệt theo quy trình phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan về đối tượng, nội dung, phạm vi, nhiệm vụ thanh tra liên quan để bảo đảm sự thống nhất và tránh chồng chéo.

Điều 17. Quyết định thanh tra

1. Thẩm quyền, căn cứ ra quyết định thanh tra, thời hạn thanh tra, nội dung quyết định thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định tại Điều 36, Điều 37, Điều 46, Điều 47 Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

2. Quy trình ra quyết định thanh tra chuyên ngành đột xuất được thực hiện như sau:

a) Khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật; theo yêu cầu của giải quyết khiếu nại, tố cáo; yêu cầu của công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng hoặc do Thủ trưởng cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cùng cấp hoặc cấp trên giao thì Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương, Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh trình Thủ trưởng cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cùng cấp quyết định việc thanh tra đột xuất hoặc có văn bản đề nghị Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở trình Bộ trưởng, Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra đột xuất đối với đối tượng thanh tra là cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ, Sở đó;

b) Khi nhận được văn bản đề nghị của Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương, Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh thì Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở có trách nhiệm kiến nghị với Bộ trưởng, Giám đốc Sở ra quyết định thanh tra hoặc có văn bản trả lời để Thanh tra dân số, gia đình và trẻ em trình Thủ trưởng cơ quan dân số, gia đình và trẻ em cùng cấp quyết định việc thanh tra đột xuất;

c) Trường hợp phát hiện vụ việc vi phạm pháp luật cần phải ngăn chặn kịp thời thì Chánh Thanh tra Ủy ban ở Trung ương, Chánh Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh ra quyết định thanh tra đột xuất, đồng thời báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cùng cấp; thông báo ngay với Chánh Thanh tra Bộ, Chánh Thanh tra Sở có liên quan để cùng phối hợp tiến hành thanh tra.

Chương 5:

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

Điều 18. Trang phục, phù hiệu

1. Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em có trang phục, phù hiệu riêng. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân không thuộc lực lượng Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em sử dụng trang phục, phù hiệu của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em.
2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thống nhất với Tổng Thanh tra quy định cụ thể về tiêu chuẩn, định mức, mẫu và màu sắc trang phục, phù hiệu của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Điều 19. Cơ sở vật chất

1. Các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em có trụ sở làm việc và được trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thanh tra.
2. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em quy định về phương tiện, thiết bị cho cơ quan Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em các cấp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc cấp phát, quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em.

Chương 6;

TRÁCH NHIỆM VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TRA DÂN SỐ, GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

Điều 21. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động của Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương; kiện toàn tổ chức Thanh tra Ủy ban ở Trung ương; thường xuyên chỉ đạo và bảo đảm các điều kiện hoạt động cho Thanh tra Ủy ban ở Trung ương; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.
2. Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiện toàn tổ chức Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh; thường

xuyên chỉ đạo và đảm bảo điều kiện hoạt động cho Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm và quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 8, Điều 53 và Điều 54 Luật Thanh tra.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 23. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em

1. Thanh tra Ủy ban ở Trung ương chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Chính phủ; có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành cho Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh; hướng dẫn hoặc chủ trì tổ chức các cuộc thanh tra liên ngành; hướng dẫn, kiểm tra về công tác thanh tra nội bộ.
2. Thanh tra Ủy ban cấp tỉnh chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức và nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, về công tác và nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương; có trách nhiệm cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra do Thanh tra Ủy ban ở Trung ương tổ chức hoặc tổ chức các cuộc thanh tra đột xuất theo yêu cầu của Thanh tra Ủy ban ở Trung ương.
3. Các tổ chức Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Biên phòng, Cảnh sát biển, thanh tra chuyên ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan; đồng thời các cơ quan này có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Thanh tra dân số, gia đình và trẻ em trong việc phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về dân số, gia đình và trẻ em nói riêng.

Điều 24. Giải quyết khiếu nại trong hoạt động thanh tra

1. Khiếu nại của đối tượng thanh tra đối với quyết định xử lý, hành vi của Trưởng Đoàn thanh tra, thanh tra viên, thành viên khác của Đoàn thanh tra trong quá trình thanh tra khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật thì người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, giải quyết.
2. Khiếu nại của đối tượng thanh tra đối với kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra khi có căn cứ cho rằng kết luận, quyết định đó là trái pháp luật thì Thủ trưởng tổ chức thanh tra, Thủ trưởng cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em đã có kết luận hoặc quyết định xử lý có trách nhiệm xem xét, giải quyết.
3. Trường hợp Thủ trưởng cơ quan Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Thủ trưởng tổ chức thanh tra đã giải quyết nhưng đương sự còn khiếu nại thì việc giải quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 25. Giải quyết tố cáo trong hoạt động thanh tra

1. Tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của Trưởng Đoàn thanh tra, thanh tra viên, thành viên khác của Đoàn thanh tra do Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người đó có trách nhiệm giải quyết.

2. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của người ra quyết định thanh tra thì Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp người đó có trách nhiệm giải quyết. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Tố cáo hành vi phạm tội do các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương 7:

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 26. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra Dân số, Gia đình và Trẻ em được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Xử lý vi phạm

Người nào cản trở, đưa hối lộ, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, tố cáo sai sự thật, vi phạm pháp luật về thanh tra; người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra hoặc vì động cơ cá nhân hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm mà xử lý vi phạm, kết luận không đúng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương 8:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em có trách nhiệm hướng dẫn việc thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Học viện Hành chính quốc gia;

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phan Văn Khải

- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC,
Website Chính phủ, Ban Điều hành 112,
Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ,
các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCB (5b). Hoà (320b).